

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 06 năm 2017



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 26

742
NG T
Ổ PH
HỆ C
N 3 -

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 11 của báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ. Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 7 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,088,319,509,016	1,217,514,312,474
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24,503,499,368	32,221,251,711
1. Tiền	111		24,503,499,368	32,221,251,711
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	4,900,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	4,900,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		434,517,126,966	360,885,617,856
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		357,734,810,330	326,007,419,444
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		51,878,613,362	9,893,887,776
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		33,708,530,641	33,772,849,639
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(8,804,827,367)	(8,823,019,883)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	34,480,880
IV. Hàng tồn kho	140		534,967,716,456	714,275,506,872
1. Hàng tồn kho	141		534,967,716,456	715,840,230,632
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1,564,723,760)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		94,331,166,226	105,231,936,035
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,200,644,119	3,997,643,556
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		92,125,688,947	101,234,292,479
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4,833,160	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		99,544,019,223	88,713,562,678
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,201,230,000	2,201,230,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		2,201,230,000	2,201,230,000
II. Tài sản cố định	220		82,563,249,925	84,785,964,920
1. Tài sản cố định hữu hình	221		25,816,257,480	27,942,658,327
<i>Nguyên giá</i>	222		47,917,186,260	47,917,186,260
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22,100,928,780)	(19,974,527,933)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		56,746,992,445	56,843,306,593
<i>Nguyên giá</i>	228		58,509,622,898	58,509,622,898
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,762,630,453)	(1,666,316,305)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		14,200,000,000	1,100,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		14,200,000,000	1,100,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
6. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		579,539,298	626,367,758
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		579,539,298	626,367,758
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,187,863,528,239	1,306,227,875,152

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM


BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017


Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		558,084,071,245	678,404,911,815
I. Nợ ngắn hạn	310		554,625,641,366	674,351,481,936
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		84,911,530,769	277,950,839,183
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12,613,168,373	10,236,510,898
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		6,749,884,429	5,627,978,311
4. Phải trả người lao động	314		10,588,664,034	19,935,402,684
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1,248,508,447	1,132,756,696
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		19,973,501,667	16,898,960,478
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		418,540,383,647	342,569,033,686
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3,458,429,879	4,053,429,879
7. Phải trả dài hạn khác	337		3,458,429,879	4,053,429,879
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		629,779,456,994	627,822,963,337
I. Vốn chủ sở hữu	410		629,779,456,994	627,822,963,337
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		397,517,470,000	306,133,290,000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		397,517,470,000	306,133,290,000
3. - Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	152,617,941,416
7. Cổ phiếu quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,272,937,166)
10. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
13. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421a		176,901,162,744	174,944,669,087
14. - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tr	421b		147,224,474,487	110,165,617,023
15. - LNST chưa phân phối kỳ này	422		29,676,688,257	64,779,052,064
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,187,863,528,239	1,306,227,875,152


TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2017



Trần Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ


Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý I		Quý II		Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	767,859,652,336	822,129,720,039	798,032,556,169	950,989,008,378	1,565,892,208,505	1,773,118,728,417
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(6,368,011,824)	(11,029,508,764)	(7,018,440,338)	(11,441,033,218)	(13,386,452,162)	(22,470,541,982)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	761,491,640,512	811,100,211,275	791,014,115,831	939,547,975,160	1,552,505,756,343	1,750,648,186,435
4. Giá vốn hàng bán	11	(717,609,621,216)	(749,060,673,207)	(732,525,386,604)	(888,239,947,104)	(1,450,135,007,820)	(1,637,300,620,311)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	43,882,019,296	62,039,538,068	58,488,729,227	51,308,028,056	102,370,748,523	113,347,566,124
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5,571,383,348	5,290,428,775	5,431,360,118	3,326,214,654	11,002,743,466	8,616,643,429
7. Chi phí tài chính	22	(4,423,477,188)	(5,510,667,010)	(6,943,429,709)	(9,358,868,047)	(11,366,906,897)	(14,869,535,057)
Trong đó: chi phí lãi vay	23	(3,657,360,344)	(5,083,157,527)	(6,871,738,900)	(9,093,128,956)	(10,529,099,244)	(14,176,286,483)
8. Chi phí bán hàng	24	(21,114,491,213)	(25,680,958,488)	(23,315,253,889)	(21,952,106,065)	(44,429,745,102)	(47,633,064,553)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(13,124,746,400)	(11,071,924,012)	(8,979,871,423)	(13,146,458,454)	(22,104,617,823)	(24,218,382,466)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	10,790,687,843	25,066,417,333	24,681,534,324	10,176,810,144	35,472,222,167	35,243,227,477
11. Thu nhập khác	31	493,179,835	230,896,429	2,386,626,063	1,409,297,048	2,879,805,898	1,640,193,477
12. Chi phí khác	32	(428,587,068)	(355,864,945)	(464,259,577)	(437,278,073)	(892,846,645)	(793,143,018)
13. Lợi nhuận khác	40	64,592,767	(124,968,516)	1,922,366,486	972,018,975	1,986,959,253	847,050,459
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	10,855,280,610	24,941,448,817	26,603,900,810	11,148,829,119	37,459,181,420	36,090,277,936
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	(2,171,056,122)	(4,988,289,763)	(5,611,437,041)	(2,400,067,661)	(7,782,493,163)	(7,388,357,424)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	<u>8,684,224,488</u>	<u>19,953,159,054</u>	<u>20,992,463,769</u>	<u>8,748,761,458</u>	<u>29,676,688,257</u>	<u>28,701,920,512</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-	-	-	-	-	-


Trần Thị Thu Hiền
Người lập biểu


Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng


CÔNG TY
CỔ PHẦN
THẾ GIỚI SỐ
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2017
Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37,459,181,420	36,090,277,936
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2,222,714,995	1,860,378,241
- Các khoản dự phòng	03		(1,582,916,276)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(273,402,130)	(239,455,520)
- Chi phí lãi vay	06		10,529,099,244	14,176,286,483
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		48,354,677,253	51,887,487,140
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(64,509,546,222)	(61,357,550,247)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		180,872,514,176	23,679,724,762
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(197,909,509,251)	3,567,054,137
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,843,827,897	3,336,790,391
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9,935,986,813)	(13,928,610,351)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6,758,286,874)	(10,130,006,431)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(48,042,309,834)	(2,945,110,599)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(4,322,891,700)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4,900,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(13,100,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		273,402,130	239,455,520
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7,926,597,870)	(4,083,436,180)

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ


Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM


BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này		Kỳ trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1,221,133,748,349	1,396,917,059,920		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,145,162,398,388)	(1,377,206,961,847)		
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27,720,194,600)	(28,532,790,000)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	48,251,155,361	(8,822,691,927)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(7,717,752,343)	(15,851,238,706)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 32,221,251,711	30,935,444,507		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1 24,503,499,368	15,084,205,801		


Trần Thị Thu Hiền
Người lập biểu


Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2017


Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 356 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 386).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

174
TY
HÀ
10
PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	307.654.972	135.644.372
Tiền gửi ngân hàng	24.195.844.396	32.085.607.339
TỔNG CỘNG	24.503.499.368	32.221.251.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	95.200.176.144	45.768.488.070
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	13.706.975.531	23.264.833.716
Khác	<u>248.827.658.655</u>	<u>256.974.097.658</u>
TỔNG CỘNG	357.734.810.330	326.007.419.444
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(8.804.827.367)</u>	<u>(8.823.019.883)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>348.929.982.963</u>	<u>317.184.399.561</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>191.443.509</i>	

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một phần phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

5.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
XIAOMI H.K Limited	34.365.425.350	-
CK Telecom (HongKong) Co., Ltd.	-	4.480.952.000
HP PPS SINGAPORE (SALES) PTE. LTD	5.599.819.000	-
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Vinamedic	9.279.299.250	-
Khác	<u>2.634.069.762</u>	<u>2.489.526.976</u>
TỔNG CỘNG	<u>51.878.613.362</u>	<u>9.893.887.776</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32.874.099.492	32.874.099.492
Tạm ứng cho nhân viên	545.265.418	496.558.805
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn Thông	-	90.097.355
Khác	<u>289.165.731</u>	<u>312.093.987</u>
	<u>33.708.530.641</u>	<u>33.772.849.639</u>
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	<u>2.201.230.000</u>	<u>2.201.230.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa	516.052.046.235	540.219.030.384
Hàng mua đang đi đường	4.131.336.241	151.599.749.460
Hàng gửi đi bán	13.518.224.008	22.447.887.398
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.266.109.972	1.573.563.390
TỔNG CỘNG	534.967.716.456	715.840.230.632
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.564.723.760)
GIÁ TRỊ THUẦN	534.967.716.456	714.275.506.872

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoạt động	1.982.592.273	3.158.474.139
Công cụ, dụng cụ	218.051.846	839.169.417
TỔNG CỘNG	2.200.644.119	3.997.643.556

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm và cuối kỳ	21.183.180.735	2.145.916.525	21.801.104.571	2.786.984.429	47.917.186.260
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(6.241.661.415)	(1.112.613.771)	(9.859.861.272)	(2.760.391.475)	(19.974.527.933)
Khấu hao trong kỳ	(426.802.542)	(182.320.501)	(1.515.786.137)	(1.491.667)	(2.126.400.847)
Số cuối kỳ	<u>(6.668.463.957)</u>	<u>(1.294.934.272)</u>	<u>(11.375.647.409)</u>	<u>(2.761.883.142)</u>	<u>(22.100.928.780)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>14.941.519.320</u>	<u>1.033.302.754</u>	<u>11.941.243.299</u>	<u>26.592.954</u>	<u>27.942.658.327</u>
Số cuối kỳ	<u>14.514.716.778</u>	<u>850.982.253</u>	<u>10.425.457.162</u>	<u>25.101.287</u>	<u>25.816.257.480</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất Phần mềm máy tính		VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối kỳ	<u>56.550.000.000</u>	<u>1.959.622.898</u>	<u>58.509.622.898</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(1.666.316.305)	(1.666.316.305)
Hao mòn trong năm	-	(96.314.148)	(96.314.148)
Số cuối kỳ	-	<u>(1.762.630.453)</u>	<u>(1.762.630.453)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>56.550.000.000</u>	<u>293.306.593</u>	<u>56.843.306.593</u>
Số cuối kỳ	<u>56.550.000.000</u>	<u>196.992.445</u>	<u>56.746.992.445</u>

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	<u>14.200.000.000</u>	<u>100</u>	<u>14.200.000.000</u>	<u>100</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dell Global B.V (Singapore Branch)	15.059.020.500	146.651.917.960
Asus Global Pte. Ltd.	36.195.924.850	51.938.871.042
Lenovo (Singapore) Pte. Ltd.	4.480.486.942	6.273.423.127
Khác	<u>29.176.098.477</u>	<u>73.086.627.054</u>
TỔNG CỘNG	<u>84.911.530.769</u>	<u>277.950.839.183</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	1.895.178.178	2.061.190.303

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mega Alliance Holdings Limited	3.916.659.490	3.916.659.490
Vision Best Holdings Limited	3.760.054.645	3.760.054.645
Khác	4.936.454.238	2.559.796.763
TỔNG CỘNG	<u>12.613.168.373</u>	<u>10.236.510.898</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.258.286.874	7.782.493.163	(6.758.286.874)	6.282.493.163
Thuế thu nhập cá nhân	369.691.437	4.772.408.923	(4.674.709.094)	467.391.266
Thuế nhập khẩu	-	241.575.077	(246.408.237)	(4.833.160)
Khác	-	25.644.500	(25.644.500)	-
TỔNG CỘNG	<u>5.627.978.311</u>	<u>12.822.121.663</u>	<u>(11.705.048.705)</u>	<u>6.745.051.269</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi vay	1.072.092.124	478.979.693
Chi phí hoạt động	176.416.323	653.777.003
TỔNG CỘNG	<u>1.248.508.447</u>	<u>1.132.756.696</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	6.288.390.292	1.125.134.996
Phải trả Bảo hiểm Xã hội	1.423.436.316	1.285.975.178
Khác	12.261.675.059	14.487.850.304
	<u>19.973.501.667</u>	<u>16.898.960.478</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	2.698.000.000	3.293.000.000
Khác	760.429.879	760.429.879
	<u>3.458.429.879</u>	<u>4.053.429.879</u>

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

16. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Số cuối kỳ
Ngắn hạn Vay ngân hàng	342.569.033.686	1.221.133.748.349	(1.145.162.398.388)	418.540.383.647
	<u>342.569.033.686</u>	<u>1.221.133.748.349</u>	<u>(1.145.162.398.388)</u>	<u>418.540.383.647</u>

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	88.552.379.796	Đến 17 tháng 08 năm 2017 đến 11 tháng 09 năm 2017	Từ 4,8 đến 5,0	Một phần hàng tồn kho trị giá 120 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 72 tỷ VND
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	150.088.003.851	Từ 11 tháng 08 năm 2017 đến 27 tháng 09 năm 2017	Từ 4,3 đến 4,9	Tài sản cá nhân của một số cổ đông; một phần hàng tồn kho trị giá 6 triệu USD
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	179.900.000.000	Từ 15 tháng 08 năm 2017 đến 29 tháng 09 năm 2017	Từ 4,1 đến 4,4	Một phần hàng tồn kho trị giá 147 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 74 tỷ VND
	<u>418.540.383.647</u>			

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	155.858.407.023	608.736.701.273
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(45.692.790.000)	(45.692.790.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	64.779.052.064	64.779.052.064
Số cuối năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	174.944.669.087	627.822.963.337
Năm nay						
Số đầu năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	174.944.669.087	627.822.963.337
Phát hành cổ phiếu thường	91.384.180.000	(91.384.180.000)	-	-	-	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(27.720.194.600)	(27.720.194.600)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	29.676.688.257	29.676.688.257
Số cuối kỳ	397.517.470.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	176.901.162.744	629.779.456.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	39.751.747	30.613.329
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	39.751.747	30.613.329
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.751.747	30.613.329
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	39.600.278	30.461.860
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.600.278	30.461.860

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu:	1.565.892.208.505	1.773.118.728.417
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	1.565.892.208.505	1.773.118.728.417
Các khoản trừ doanh thu:	(13.386.452.162)	(22.470.541.982)
DOANH THU THUẦN	1.552.505.756.343	1.750.648.186.435

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	273.402.130	239.455.520
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.415.429.903	3.354.116.907
Chiết khấu thanh toán được hưởng	8.313.911.433	5.023.071.002
TỔNG CỘNG	11.002.743.466	8.616.643.429

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	1.450.135.007.820	1.637.300.620.311



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí bán hàng	44.429.745.102	47.633.064.553
Chi phí nhân công	22.513.449.071	25.155.070.345
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.303.362.093	18.634.282.549
Khác	8.425.469.135	3.843.711.659
Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.104.617.823	24.218.382.466
Chi phí nhân công	11.617.213.156	13.639.797.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.574.838.312	6.549.361.414
Khác	3.912.566.355	4.029.223.788
TỔNG CỘNG	66.534.362.925	71.851.447.019

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí lãi vay	10.529.099.244	14.176.286.483
Lỗ chênh lệch tỷ giá	659.515.473	367.467.886
Chiết khấu thanh toán	178.292.180	325.780.688
TỔNG CỘNG	11.366.906.897	14.869.535.057

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác	2.879.805.898	1.640.193.477
Chi phí khác	(892.846.645)	(793.143.018)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	1.986.959.253	847.050.459

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá mua hàng hóa	1.450.135.007.820	1.642.302.261.359
Chi phí nhân công	34.130.662.227	38.794.867.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.446.615.536	10.569.552.720
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.222.714.995	1.860.378.241
Chi phí khác	11.582.667.375	15.625.007.401
TỔNG CỘNG	1.517.517.667.953	1.709.152.067.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	37.459.181.420	36.090.277.936
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	38.912.465.814	36.941.787.120
Thuế TNDN ước tính hiện hành	7.782.493.163	7.388.357.424
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.258.286.874	5.445.358.043
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(6.758.286.874)	(10.130.006.431)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	6.282.493.163	2.703.709.036

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ nay và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Mua dịch vụ	656.290.000	16.991.895.624
		Bán dịch vụ	348.302.501	450.553.280
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hoá	66.660.000	-
Công Ty Cổ Phần DIGI-INFOFABRICA	Công ty con	Bán dịch vụ	124.783.509	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Mua dịch vụ	1.895.178.178	2.061.190.303
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hoá	66.660.000	-
Công Ty Cổ Phần DIGI-INFOFABRICA	Công ty con	Bán dịch vụ	124.783.509	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát và ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lương và thưởng	<u>1.484.004.676</u>	<u>2.441.582.700</u>

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

26.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.581.235.832	4.943.407.752
Từ 1 đến 5 năm	<u>5.242.472.724</u>	<u>6.344.203.980</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.823.708.556</u>	<u>11.287.611.732</u>

26.2 Cam kết góp vốn


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp	Phần vốn cam kết còn phải góp		
		Số tiền				Số tiền	Số tiền
		VND	%				
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	100.000.000.000	<u>100.000.000.000</u>	100	<u>14.200.000.000</u>	<u>85.800.000.000</u>		


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Trần Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc



Ngày 18 tháng 07 năm 2017

